

Hồ Bạch Thảo

## Tìm hiểu về hai chiến thắng lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Minh

Trong cuộc kháng chiến chống quân Minh vào tiền bán thế kỷ thứ mười lăm, có hai chiến thắng lớn mang tầm mức chiến lược, xảy ra gần thành Đông-Quan [Hà-Nội], hầu như đã làm tê liệt lực lượng giặc lúc bấy giờ. Nhưng chiến thắng trước, trận Bô-Cô [1409], mở đầu cho sự thất bại. Chiến thắng sau, trận Ninh-Kiều [1426], tạo nên bước ngoặt lịch sử [turning point], dẫn đến thắng lợi hoàn toàn. Người đọc sử cần tìm hiểu về sự thành bại, được mất của hai chiến thắng này.

### 1. Trận Bô-Cô

Bô-Cô là tên một bến đò thuộc xã Bô-Cô, nay thuộc huyện Ý-Yên, tỉnh Nam-Hà. *Đại Việt sử ký toàn thư*<sup>[1]</sup> chép về trận đánh này như sau:

“Tháng 12, ngày 14, quốc công Đặng Tất cả phá quân Minh tại Bô Cô hãn. Bấy giờ nhà Minh sai tổng binh Mộc Thạnh mang tước Kiểm quốc công, đeo ấn Chinh di tướng quân, đem 5 vạn quân từ Vân Nam đến Bô Cô, vừa khi vua Giản Định cũng từ Nghệ An tới, quân dung nghiêm chỉnh, gặp lúc nước triều lên gấp, gió thổi mạnh, sai các quân đóng cọc giữ và lên hai bên bờ đắp lũy. Thạnh cũng chia quân thủy, quân bộ cùng cầm cự. Vua cầm dùi đánh trống, hạ lệnh các quân thừa cơ xông đánh từ giờ Tý [khoảng 11 giờ] đến giờ Thân [16 giờ], quân Minh thua chạy, chém được Binh bộ thượng thư Lưu Tuấn, Đô ty Lữ Nghi, cùng quân mới, quân cũ đến hơn 10 vạn tên. Chỉ một mình Mộc Thạnh chạy thoát trốn về thành Cổ Lộng.”<sup>[2]</sup>

Sử liệu từ *Minh thực lục* cũng xác nhận chiến thắng này, còn cho biết rõ hơn về lý lịch các tướng lãnh, quan lại cao cấp của nhà Minh tử trận, bản dịch như sau:

Ngày 24 tháng 12, năm Vĩnh Lạc thứ 6 [9/1/1409]

“Ngày hôm nay quan Tổng-binh Giao-Chỉ Kiểm-Quốc-công Mộc Thạnh giao tranh với đầu đảng giặc Giao-Chỉ, Giản Định, tại sông Sinh-Quyết<sup>[3]</sup> bị thua. Đô-đốc Thiêm-sự Lữ Nghi, Binh bộ Thượng-thư Lưu Tuấn, Tham-chính Giao-chỉ Bỗ-chánh ty Lưu Dục đều chết.

Lữ Nghi người đất Hạng-Thành, Hà-Nam; khởi đầu giữ chức Bách-hộ vệ Tế-Dương; thời Hoàng-thượng Tĩnh Nạn, Nghi theo chinh phạt mấy lần lập kỳ công, được thăng đến chức Đô-Chỉ-huy Đồng-tri. Năm Vĩnh Lạc thứ ba thăng Đô-đốc Thiêm-sự, cùng với Hoàng Trung luyện binh tại Quảng-Tây; lại cùng mang binh đem cháu Vương An-Nam là Trần Thiên Bình về nước. Vì làm trái chiếu chỉ, nên Nghi không tránh được thất bại ở Kê-Lãng; rồi được tha tội cho giữ nguyên chức tòng chinh, mệnh sung Ứng-Dương Tướng-quân. Giao-Chỉ bình, có công được giữ chức Đô-ty Giao-Chỉ. Nghi tính thâm trầm, dũng lược, đánh trận thâm nhập; bị hãm chết trận.

Lưu Tuấn người đất Giang-Lãng, Hồ-Quảng; đậu Tiến-sĩ năm Ất Sửu; thời Hồng-Vũ, giữ chức Chủ-sự bộ Binh, rồi được thăng lên Tả Thị-lang bộ này. Thời Kiến Văn<sup>[4]</sup> giữ chức Thị-trung; khi Thiên-tử [Thành Tổ] tức vị, được thăng hàm Thượng-thư. Tuấn cẩn thận, cần mẫn trong công việc, có mưu trí, giỏi ứng biến, nên được tin nhiệm. Trước đây quan Tổng-binh chinh phạt Giao-Chỉ, mệnh Tuấn tham mưu quân vụ, góp nhiều công ích, nên sau khi bình Giao-Chỉ được ban thưởng. Rồi lại được cử sang Giao-Chỉ để tham mưu quân vụ cho Thạnh. Thạnh bại, Tuấn bị vây, bèn thắt cổ tự tử.

Lưu Dục người Vũ-Thành, Sơn-Đông; xuất thân từ Lại-khoa Cấp-Sự-trung, thăng Thông-chính Sứ-ty Tả-Thông-chính, rồi đến chức Tả-Tham-chính ty Bỗ-chánh Hà-Nam; được đổi đến Giao-Chỉ giữ chức Hữu-Tham-chính. Dục tính hà khắc, ít nói, thiếu ân; tuy nhiên làm việc giỏi, đến nơi nào thuộc lại và dân cũng đều sợ, đến nay cùng chết với Tuấn.”<sup>[5]</sup>

Sau chiến thắng này, quan điểm về tiến, thủ của vua Giản Định và Quốc-công Đặng Tất hoàn toàn khác nhau. *Toàn thư* chép:

“Vua bảo các quân:

‘Hãy thừa thế chẻ tre, đánh cuốn chiếu thẳng một mạch, như sét đánh không kịp bịt tai, tiến đánh thành Đông-Quan thì chắc chắn phá được chúng.’

Tất tâu:

‘Hãy bắt hết bọn giặc còn sống sót, không nên để mỗi lo về sau.’

Do dự mãi không quyết định được. Quân giữ thành Đông-Quan đến cứu viện, đón Mộc Thạnh về.”

Từ sự việc này, nội bộ vua tôi nhà hậu Trần trở nên chia rẽ, mấy tháng sau vua nghe lời gièm, giết Nguyễn Cảnh Chân và Đặng Tất. Con Nguyễn Cảnh Chân là Nguyễn Cảnh Dị, con Đặng Tất là Đặng Dung tức giận bỏ đi, phò Trần Quý Khoách lên làm vua.

Vua Giản Định tuy được vua mới (Trần Quý Khoách) tôn làm Thái-Thượng-hoàng, nhưng không có thực quyền, rồi chẳng bao lâu bị đạo quân của Trương Phụ tăng viện cho Mộc Thạnh truy kích và bắt sống. Sự việc được chép trong *Minh thực lục* như sau:

Ngày 10 tháng 11, năm Vĩnh Lạc thứ 7 [16/12/1409]

“Quan Tổng-binh Giao-Chỉ Anh-Quốc-công Trương Phụ, chinh di Tướng-quân Kiềm-Quốc-công Mộc Thạnh bắt được bọn giặc Giản Định. Lúc bấy giờ Định tới sách Cự-Lặc, rồi từ sách Địa đến trấn Thiên-Quan tụ tập chống trả. Thạnh mang binh từ Lỗi-Giang hướng về sách Cự-Lặc; bọn Đô-đốc Chu Vinh, Đô-Chỉ-huy La Văn dùng lính đi thuyền theo sông Lỗi-Giang lên Ngư-Tỵ quan; Trương Phụ điều bọn Đô-đốc Chu Quảng, Đô-Chỉ-huy Trần Hoài dùng bộ binh và kỵ binh từ Lỗi-Giang lên sách Địa để kịp đến trấn Thiên-Quan. Giản Định lại từ sách Đông-Hoàng hướng đến sách Đa-Bôi, quan quân đuổi tới huyện Mỹ-Lương<sup>[6]</sup>, sách Cát-Lợi. Giản Định vừa mới trú tại nhà dân, nhìn đằng xa thấy quan quân đến, bèn bỏ các vật như ngựa, ấn tín, chạy trốn vào rừng. Quan quân lục soát không bắt được, bèn vây chặt rừng, rồi bắt sống được Giản Định cùng các tướng giặc Trần Hy Cát, Nguyễn Nhữ Lê, Nguyễn Yến.”<sup>[7]</sup>

Xét về sự thất bại, có thể do vua tôi nhà hậu Trần phạm những lỗi lầm sau đây:

- Việc binh, có sự thảo luận tham gia ý kiến lúc bàn bạc tham mưu, nhưng một khi đã quyết định thì mọi người phải hòa thuận để thi hành, nên người xưa gọi quân môn là “hòa môn”. Nói cách khác, đạo quân không thể nào chiến thắng trong tình trạng bất hòa, “trống đánh xuôi kèn thổi ngược”.

- Trong khi hai bên tương tranh, rất kỵ tình huống “nằm ngủ trên chiến thắng”. Nếu ta không có hoạt động để triển khai thành quả chiến thắng, thì kẻ địch sẽ thay ta làm chủ chiến trường và tình thế sẽ đảo ngược, như đã thấy ở trên.

## 2. Trận Ninh Kiều

Chiến công về trận Ninh-Kiều cũng được ghi lại trong các bộ chính sử của nước ta và Trung-Quốc. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* chép như sau:

“Nghe nói các tướng Đinh Lễ và Lê Xí đang đóng tại Thanh-Đàm, Lê Triện bèn sai báo gấp cho họ đến tiếp ứng. Bọn Lễ và Xí lựa lấy 3000 quân tinh nhuệ và 2 thớt voi, tức tốc ngay ban đêm đến hội quân ở Cao-Bộ. Họ chia quân đặt phục tại Tốt-Động và Chúc-động.

Bắt được gián điệp của địch, ta đã biết Vương Thông tiến đóng tại Ninh-Kiều, ngầm cho kỳ binh tiến nhanh đến phía sau quân của Triện, còn chính binh của Thông sẽ vượt sông tiến lên phía trước. Chúng hẹn nhau hãy nghe tiếng súng pháo nổ, thì các mũi quân địch cùng lúc đánh khép lại. Hồi canh năm đêm ấy, bọn Lễ sai quân bắn súng pháo ở nơi yếu hại để đánh lừa giặc. Giặc nghe súng nổ đều đổ xô đi chiếm lấy chỗ thuận lợi. Chúng lừa quân đi tấp vào. Bấy giờ trời mưa, đường lầy lội, chúng kéo đến Tốt-Động, bị phục binh ta bốn bề nổi dậy. Quân ta hợp sức chiến đấu, cả phá được quân

giặc. Chém Thượng thư Trần Hiệp, và Nội-quan Lý Lượng. Quân Minh cùng giày xéo chồng chất lên nhau, chết đến hơn 5 vạn. Số quân địch chết đuối cũng rất nhiều, làm nghẽn cả khúc sông Ninh-Giang.”

Sử Trung-Quốc, *Nam Việt truyện* <sup>[8]</sup> của danh thần Vương Thế Trinh thuộc đời Gia Tĩnh triều Minh, xác nhận số quân Minh bị chết khoảng hai, ba vạn người, trong đó có Thượng-thư Trần Hiệp.

Riêng *Minh thực lục* chép đầu đuôi trận đánh này như sau:

Ngày 9 tháng 11, năm Tuyên Đức thứ nhất [7/12/1426]

“Ngày hôm nay quan Tổng-binh Thành-Sơn-hầu Vương Thông tiến binh đánh giặc bị thua to, giặc bèn vây thành Đông-Quan.

Trước đó tướng giặc Lê Thiện [Triện] chia quân làm 3 đạo, tới đánh thành Giao-Chỉ. Một đạo từ cửa phía tây đánh vào thành đất Thanh-Oai, một đạo từ Giáo-Trường đánh Hạ-Quan; bị Đô-đốc Trần Tuấn dùng súng lửa, hỏa tiễn đánh lui; một đạo đánh vào cửa nhỏ tại ven sông gặp Sự-quan Lý An mang quân tinh nhuệ giao chiến, giặc bị chết rất nhiều, nửa đêm bèn rút lui.

Lúc này Thông điều quân chia đường mà tiến. Tham-tướng Đô-đốc Mã Ánh mang quân đến Thanh-Oai gặp giặc, đánh bại chúng. Rồi đến huyện Thạch-Thất họp quân với Thông, cả hai mang quân đến huyện Ứng-Bình, trú quân tại Ninh-Kiều. Các tướng nói đất này hiểm trở nên lập trại để xem tình hình, không nên coi thường mà tiến. Thông không nghe, cho điều quân qua cầu, đường sá lầy trơn, người ngựa lặn lội, phục binh nổi lên, quan quân bị bại; Thượng-thư Trần Hiệp chết, Chỉ-huy Lý Đăng bị chết vào tay giặc, Thông trúng thương nên quay về. Lê Lợi tại Nghệ-An nghe tin bèn mang đại quân tới Thanh-Đàm, đánh các xứ tại Bắc-Giang, rồi vây thành Đông-Quan.” <sup>[9]</sup>

Đúng như *Minh thực lục* chép, các bộ sử nước ta đều xác nhận sau chiến thắng Ninh-Kiều, vua Lê Lợi đích thân dẫn đại quân và 20 thớt voi chia hai đường thủy, bộ ngày đêm đi gấp. Quân ta lần lượt chiếm các mục tiêu chung quanh thành Đông-Đô, rồi bắt đầu vây thành này. Để chặn đường tiếp viện, cùng làm suy yếu tinh thần quân Minh đang bị vây, nhà vua sai các tướng chiếm các thành trì nằm trên trục lộ huyết mạch qua Trung-Quốc như các thành Điều-Điều <sup>[10]</sup>, Thị-Cầu <sup>[11]</sup>, Tam-Giang <sup>[12]</sup>, Xương-Giang <sup>[13]</sup>, Khâu-ôn <sup>[14]</sup>.

Thế lực quân Minh lúc này bị co cụm lại, Vương Thông tại thành Đông-Quan sa vào tình thế tuyệt vọng, đành phải giao lại đất đai từ Thanh-Hóa trở vào nam cho vua Lê Lợi và ra lệnh quan quân đóng tại các nơi này phải rút lui về thành Đông-Quan gấp.

Bấy giờ có tên Tri-châu Thanh-Hóa tên là La Trung mang nhiều tội ác với dân ta, sợ ra khỏi thành sẽ bị giết, nên đánh liều giữ thành không chịu ra; sự việc chép trong *Minh thực lục* như sau:

Ngày 5 tháng 12, năm Tuyên Đức thứ nhất [1/1/1427]

“Ngày hôm nay giặc họ Lê đánh châu Thanh-Hóa không hạ được. Trước đó, từ khi thất bại tại Ninh-Kiều, Thành-Sơn-hầu Vương Thông không còn vững lòng như trước, tự tiện cho Lê Lợi cai quản từ Thanh-Hóa trở vào nam, truyền hịch cho quan quân tại nơi này rút về thành Đông-Quan. Riêng châu Thanh-Hóa không chịu nghe lệnh.

Trước đó Lê Lợi đánh Thanh-Hóa, Tri-châu La Thông, Chỉ-huy Đà Trung suất quân dân kiên thủ, có lúc mang quân đánh núi đất, sát thương giặc nhiều, thế giặc bớt căng thẳng. Lúc này hịch tới, người trong thành kinh sợ. Thông nói với Trung rằng:

‘Bọn chúng ta chống cự, mấy lần đánh bại giặc, ra khỏi thành thì không sống được; nay tại đây thành cao, hào sâu, lương nhiều, dân đông; so với việc chịu trói, chi bằng tận trung mà chết, mà chưa chắc đã chết đâu! Bọn [Vương] Thông bán thành cho giặc, lệnh này không thể theo được.’

Rồi cùng với Trung tướng lệ quân sĩ, giữ thành vững thêm; giặc đánh không hạ được, bèn bỏ đi. Khi Vương Thông bỏ Giao-Chỉ, bọn [La] Thông cũng trở về kinh đô.” [15]

Qua văn bản nêu trên, cần phải nhấn mạnh rằng Thanh-Hóa là quê hương của vua Lê Lợi. Trong những ngày đầu khởi nghĩa, La Thông và bè lũ quân Minh tại đây đã gây nhiều tội ác đối với gia đình nhà vua cùng nghĩa quân; như việc con gái vua bị Mã Kỳ đưa sang Tàu làm nô tỳ rồi chết tại đó [16]. Đối với người bình thường, ở vào địa vị vua Lê Lợi, ắt phải dùng đại quân đánh vào thành này, trừng trị cho hả giận. Nhưng nhà vua nghĩ đến đại sự trước việc riêng tư, thấy thành này không cần đánh cũng có thể cô lập được, nên để yên cho bọn chúng sống. Với tầm nhìn chiến lược của bậc thiên tài quân sự, nhà vua quyết định dùng quân đánh vào thành Xương-Giang, nằm trên con đường huyết mạch đến biên giới Việt Hoa, dù tổn thất cũng đáng cho kỳ được. Trận tấn công rất gay go; *Minh thực lục* mô tả như sau:

Ngày 2 tháng 4, năm Tuyên Đức thứ hai [28/4/1427]

“Ngày hôm nay giặc Giao-Chỉ Lê Lợi công hãm thành Xương-Giang. Lợi cho rằng Xương-Giang là nơi quan trọng, [trên đường] đại quân ra vô; bèn dùng hơn 8 vạn quân đánh. Quan giữ thành Đô-Chỉ-huy Lý Nhiệm, Chỉ-huy Cổ Phúc ra lệnh già, trẻ, phụ nữ đều lên mặt thành, giương cờ hò hét, ngày đêm chống cự; Bọn Nhiệm bất ngờ mang quân tinh nhuệ ra công kích, đốt phá dụng cụ đánh thành. Bốn phía giặc đều xây núi đất, dùng phi minh bắn vào thành; Nhiệm sai quân cầm tử ban đêm mở cửa thành ra đánh, giết giặc giữ núi đất. Mười tập kích doanh trại, giặc đào địa đạo vào thành, Nhiệm sai đào hào ngang chặn địa đạo, rồi ném đá xuống, khiến giặc chết nhiều.

Giặc nghe tin đại binh của Chinh-di Tướng-quân [Liễu Thăng] sắp tới, sợ sẽ dùng thành này làm chỗ dựa, bèn tăng cường thêm quân và voi tấn công. Tên đá bắn vào như mưa. Nhiệm dùng trăm cách để chống cự, trải qua 9 tháng trời, giao tranh hơn 30 trận; khởi đầu trong thành có hơn 2000 tướng sĩ, lúc này chết và tật bệnh đến một nửa, nhưng giặc vẫn quyết vây đánh, dùng thang mây leo lên thành, rồi đột cửa, Nhiệm điều lính quyết tử ba lần đánh lui, nhưng giặc lại xua voi và lính vào. Bọn Nhiệm kiệt sức, đánh không xuể, Nhiệm và Phúc đều tự tử; quan trọng thành là Phùng Trí khóc ròng, hướng về phía bắc bái tạ, rồi cùng Chỉ-huy Lưu Thuận, Tri-phủ Lưu Tử Phụ thắt cổ chết. Trong thành các quan quân, cùng trai gái chết rất đông; giặc phóng hỏa đốt, cướp phá đến sạch không.” [17]

Nỗi gian khổ về cuộc tấn công tại thành Xương-Giang được đề cập một cách xứng đáng, vì đã làm suy sụp đoàn quân tiếp viện, cùng đem lại chiến thắng cuối cùng. Sau khi quân tiên phong bị phục kích chết cùng Liễu Thăng tại núi Mã-Yên, lực lượng còn lại do Thôi Tụ chỉ huy đến thành Xương-Giang, thì được tin thành này đã mất, chúng càng kinh hoàng sợ hãi; quân ta tấn công, đại quân giặc tan rã tại đó. *Minh thực lục* cổ tình nói bớt sự tổn thất, nhưng cũng không thể chối bỏ sự thất bại hoàn toàn của đoàn quân cứu viện:

Ngày 9 tháng 9, năm Tuyên Đức thứ 2 [29/9/ 1427]

“Ngày hôm nay quân của quan Tổng-binh An-Viễn-hầu Liễu Thăng đến Ai-Lưu quan; Lê Lợi cùng các Đầu-mục lớn nhỏ sai người đến cửa quân dâng thư xin bãi binh để yên dân, lập con cháu họ Trần làm chủ đất này. Bọn Thăng nhận thư, không mở ra xem, sai người tâu về kinh. Những chỗ quan quân đi qua, giặc làm trại để thủ, quan quân liên tiếp công phá, đến ngay ải Trấn-Di, như vào chỗ không người. Ý Thăng xem thường. Lúc này Tả Phó-Tổng-binh Bảo-Định-bá Lương Minh, Tham-tán quân sự Thượng-thư Lý Khánh đều bệnh; Lang-trung bộ Lễ Sử An, Chủ-sự Trần Dung nói với Khánh rằng:

‘Xem lời lẽ, sắc mặt của chủ tướng có vẻ kiêu; kiêu là điều tối kỵ của nhà binh. Và lại bọn giặc nguy trá, hoặc có thể làm ra vẻ yếu để dụ chúng ta; huống tử thư dụ rõ ràng là phải phòng ngừa giặc đặt phục binh. Đây là phút an nguy, Ngài nên nói gấp.’

Khánh rán ngồi dậy, gặp Thăng, hết sức can gián. Thăng ừ ào, nhưng vẫn không nghiêm chỉnh phòng bị. Đến Đào-Mã pha, cùng với hơn trăm quân kỵ qua cầu; nửa chừng cầu bị sập, quân đằng sau không tiến được. Thăng rơi xuống vững lầy, phục binh giặc nổi lên bốn phía, Thăng bị đâm chết bằng giáo, đám quân theo Thăng cũng bị giết sạch. Lúc này Hữu Tham-tướng Đô-đốc Thôi Tụ thu

thập quan quân, chinh đồn đội ngũ. Cũng ngày hôm đó Lương Minh bệnh chết, lại ngày hôm sau Lý Khánh cũng chết. Rồi đến ngày hôm sau nữa, Thôi Tụ điều quan quân tiến; đến Xương-Giang gặp giặc, quan quân ít mà giặc thì đông, cố gắng đánh nhưng giặc xua voi vào trợ chiến, nên quân loạn, Thôi Tụ bị bắt sống.

Giặc hô lớn: 'Kẻ hàng không bị giết.'

Quan quân hoặc tử trận, hoặc chạy về biên giới, không một ai hàng. Lang-trung Sử An, Chủ-sự Trần Dung, Lý Tông Phương đều chết vào ngày hôm đó; duy một mình Chủ-sự Phan Hậu thoát trở về được..."<sup>[18]</sup>

*Nam Việt truyện*<sup>[19]</sup> chép về trận đánh này: "Bảy vạn người không còn sót ai" (thất vạn nhân vô di giả 七萬人無遺者); có thể hiểu là tất cả bảy vạn quân Minh đã bị chết hoặc bị bắt.

Từ chiến thắng Ninh-Kiều trở về sau, nghĩa quân của vua Lê Lợi tấn công liên tiếp, khiến Vương Thông phải nhượng bộ giao đất đai từ Thanh-Hóa trở vào nam cho quân ta. Rồi sau khi đoàn quân tiếp viện của Liễu Thăng thất bại, Thông hoảng hốt không đợi lệnh vua, tự tiện làm lễ tề với vua Lê Lợi để được rút quân về nước:

Ngày 7 tháng 2 năm Tuyên Đức thứ 3 [21/2/1428]

Bọn quan Tổng-binh Giao-Chỉ Thành Sơn-hầu Vương Thông sai người đến tâu rằng:

"... Thần trộm nghĩ phụng mệnh diệt giặc, đáng dốc lòng trung thành liều chết để đợi viện binh, nhưng trong thành quân ít, lòng người kinh sợ, chí không vững; bọn giặc lại điên cuồng giảo hoạt hơn trước, các đường thủy bộ quan trọng đều bị chúng chiếm, cho dù có viện binh cũng khó đến ngay được. Nếu thành trì bị hãm, không khỏi phải hưng binh một lần nữa; vì một góc đất mà một nhọc nhiều người trong thiên hạ, khiến đấng quân phụ phải lo, không hợp với lòng trung thành của kẻ thần tử. Thần và chúng [quan] bàn rằng nhân cơ hội này, chinh đồn quân lũy, vượt trở về đất sống rồi tái mưu đồ hậu sự. Thần đã đốc suất các nha lại trực thuộc Giao-Chỉ cùng quan quân trở về Nam-Ninh, Quảng-Tây để phục mệnh, và trông đợi Hoàng-thượng xét Trần Cảo có đúng danh nghĩa con cháu nhà Trần không? Hoặc sai sứ qua lại xem xét, nếu có sự giả mạo, xin ước lượng cho thêm quân mã thủy bộ chia đường cùng tiến thảo; nếu còn một lần nữa không có hiệu quả, bọn thần xin chịu trù戮. Kính khẩn phủ phục đợi mệnh."

Thiên-tử xem tờ tấu, nói với thị thần rằng: "Quan Tổng-binh ở ngoài tự tiện liên lạc với giặc, không đợi mệnh lệnh của triều đình mà mang quân trở về, không còn theo lễ của bề tôi nữa!"<sup>[20]</sup>

Hai chiến thắng Bồ-Cô và Ninh-Kiều tầm cỡ ngang ngửa như nhau, nhưng một đằng vì bất hòa dẫn đến thất bại, một đằng được chỉ đạo khéo léo tài tình, mang lại thắng lợi cuối cùng. Thành quả chiến thắng ở đây không phải chỉ được hưởng một lần. Trải qua mấy trăm năm dưới triều đại nhà Minh, về phía nước ta cũng có những thời điểm suy vi, như lúc Mạc Đăng Dung tự trối, nộp mình đầu hàng vào năm Canh Tý [1540], nhưng nhà Minh đã không dám lợi dụng cơ hội này để đặt chân đến nước ta. Phải chăng dân ta hái được cái "quả" bình yên lúc đó, cũng là nhờ "nhân" tốt của trận Ninh-Kiều và những chiến thắng kế tiếp đã làm tổn lòng quân giặc!

Chú thích:

<sup>[1]</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, bản dịch của Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, tập 2, trang 224. Xin lưu ý, *Toàn thư* ghi trận Bồ-Cô xảy ra vào ngày 14/12 năm Mậu Tý, tức Vĩnh Lạc thứ 6; *Minh thực lục* ghi trận này xảy ra vào ngày 24/12 năm Vĩnh Lạc thứ 6; như vậy lịch Trung-Quốc trước ta 10 ngày. Theo Hoàng Xuân Hãn trong bài khảo cứu "Lịch Và Lịch Việt Nam" (*La-Sơn Yên-Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập 1, trang 930) thì sau khi nước ta giành độc lập, khoảng đời Lý Thánh Tông, cùng lúc với việc đặt quốc hiệu Đại-Việt, ta tự làm lịch riêng. Vì vậy, kể từ thời đó trở về sau, sử nước ta ghi tháng nhuận nhiều trường hợp khác với lịch Trung-Quốc. Chúng tôi dò các thời điểm lịch sử trong sử Trung-Quốc và sử nước ta, nhận thấy năm, tháng ít khi sai lệch, nhưng ngày thì có thể xô dịch.

<sup>[2]</sup> Theo chú thích từ bản dịch *Toàn thư*: Thành Cổ-Lộng do người Minh đắp, thuộc xã Bình-Cách,

huyện Ý-Yên, tỉnh Nam-Hà, tục gọi là thành Cách.

<sup>[3]</sup>Sông Sinh-Quyết gần núi Thiên-Kiện; theo Cương mục, núi Thiên-Kiện còn có tên là núi Địa-Cận, ở xã Thiên-Kiện, huyện Thanh-Liêm, tỉnh Nam-Hà.

<sup>[4]</sup>Kiến Văn: niên hiệu của Minh Huệ-đế.

<sup>[5]</sup>*Minh thực lục*, quyển 86, trang 1144.

<sup>[6]</sup>Mỹ-Lương: Tên huyện thuộc tỉnh Sơn-Tây, giáp với Nho-Quan, Ninh-Bình.

<sup>[7]</sup>*Minh thực lục*, quyển 98, trang 1290.

<sup>[8]</sup>*Nam Việt truyện*, Vương Thế Trinh, Kỷ Lục Vượng Biên, quyển 49, trang 4.

<sup>[9]</sup>*Minh thực lục* quyển 22, trang 0594.

<sup>[10]</sup>Thành Điều-Điều: ở huyện Gia-Lâm, Hà-Nội.

<sup>[11]</sup>Thành Thị-Cầu: nay thuộc thị xã Bắc-Ninh, tỉnh Hà-Bắc.

<sup>[12]</sup>Thành Tam-Giang: ở huyện Lâm-Thao tỉnh Phú-Thọ, nay thuộc huyện Phong-Châu, tỉnh Vĩnh-Phú.

<sup>[13]</sup>Thành Xương-Giang: nay là thị xã Bắc-Giang, tỉnh Hà-Bắc.

<sup>[14]</sup>Thành Khâu-Ôn: là tỉnh lỵ Lạng-Sơn ngày nay.

<sup>[15]</sup>*Minh thực lục* quyển 23, trang 0606.

<sup>[16]</sup>*Đại Việt sử ký toàn thư* tập 2, trang 297.

<sup>[17]</sup>*Minh thực lục*, quyển 27, trang 0701.

<sup>[18]</sup>*Minh thực lục*, quyển 31, trang 0800.

<sup>[19]</sup>*Nam Việt truyện*, quyển 49, trang 5.

<sup>[20]</sup>*Minh thực lục*, quyển 36, trang 0897-0899.